

## CHƯƠNG 8

# LUẬT DÂN SỰ

# 1. KHÁI NIỆM CHUNG

## *VỀ LUẬT DÂN SỰ*

- ➔ 1.1. Khái niệm luật Dân sự
- ➔ 1.2. Đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh
- ➔ 1.3. Quan hệ pháp luật Dân sự

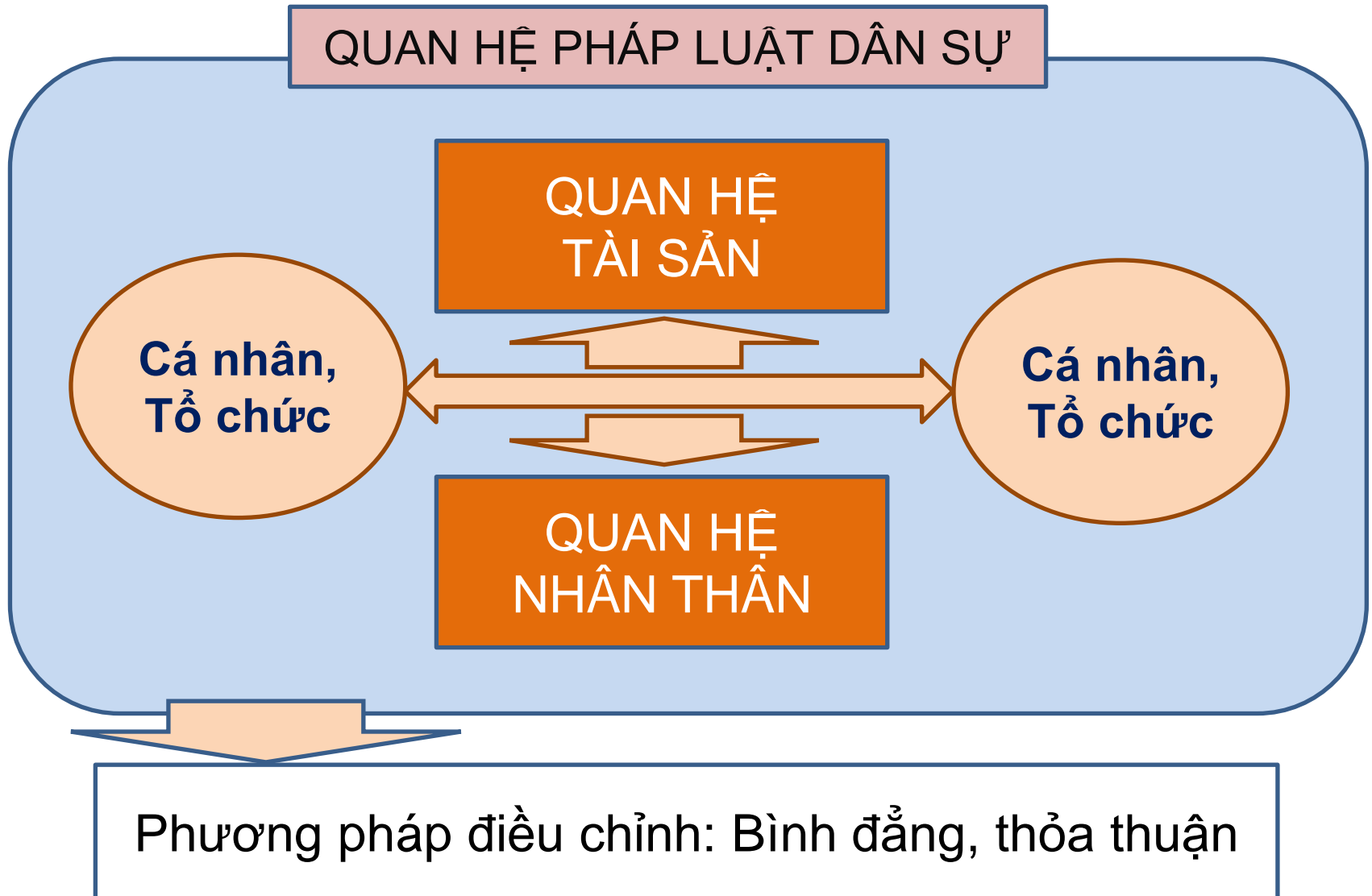
## 1.1. KHÁI NIỆM LUẬT DÂN SỰ

---

### ***KHÁI NIỆM***

Luật dân sự là ngành luật độc lập trong hệ thống pháp luật Việt Nam, bao gồm các quy phạm pháp luật do nhà nước ban hành, điều chỉnh quan hệ nhân thân và tài sản giữa các cá nhân, pháp nhân trong giao lưu dân sự.

## 1.2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐIỀU CHỈNH



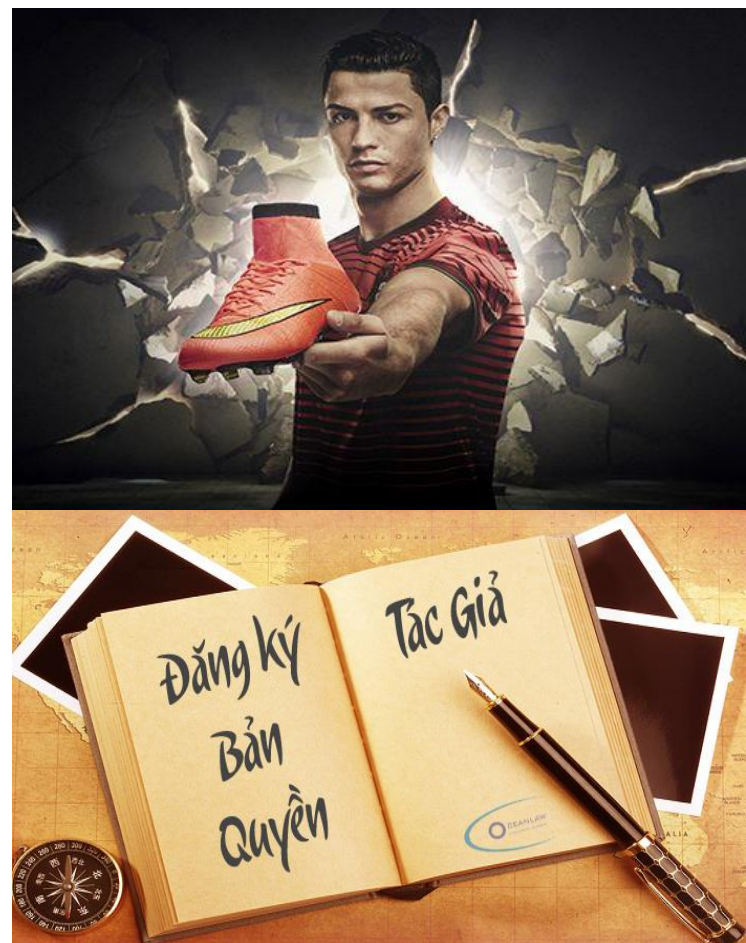
# QUAN HỆ TÀI SẢN TRONG LUẬT DÂN SỰ

- **Khái niệm:** Quan hệ tài sản là quan hệ giữa người và người thông qua một tài sản
- **Khái niệm tài sản (Khoản 1 Điều 105 BLDS)**  
Tài sản là vật, tiền, giấy tờ có giá trị bằng tiền và các quyền tài sản
- **Đặc điểm của quan hệ tài sản:**  
Quan hệ tài sản hầu hết mang tính ngang giá

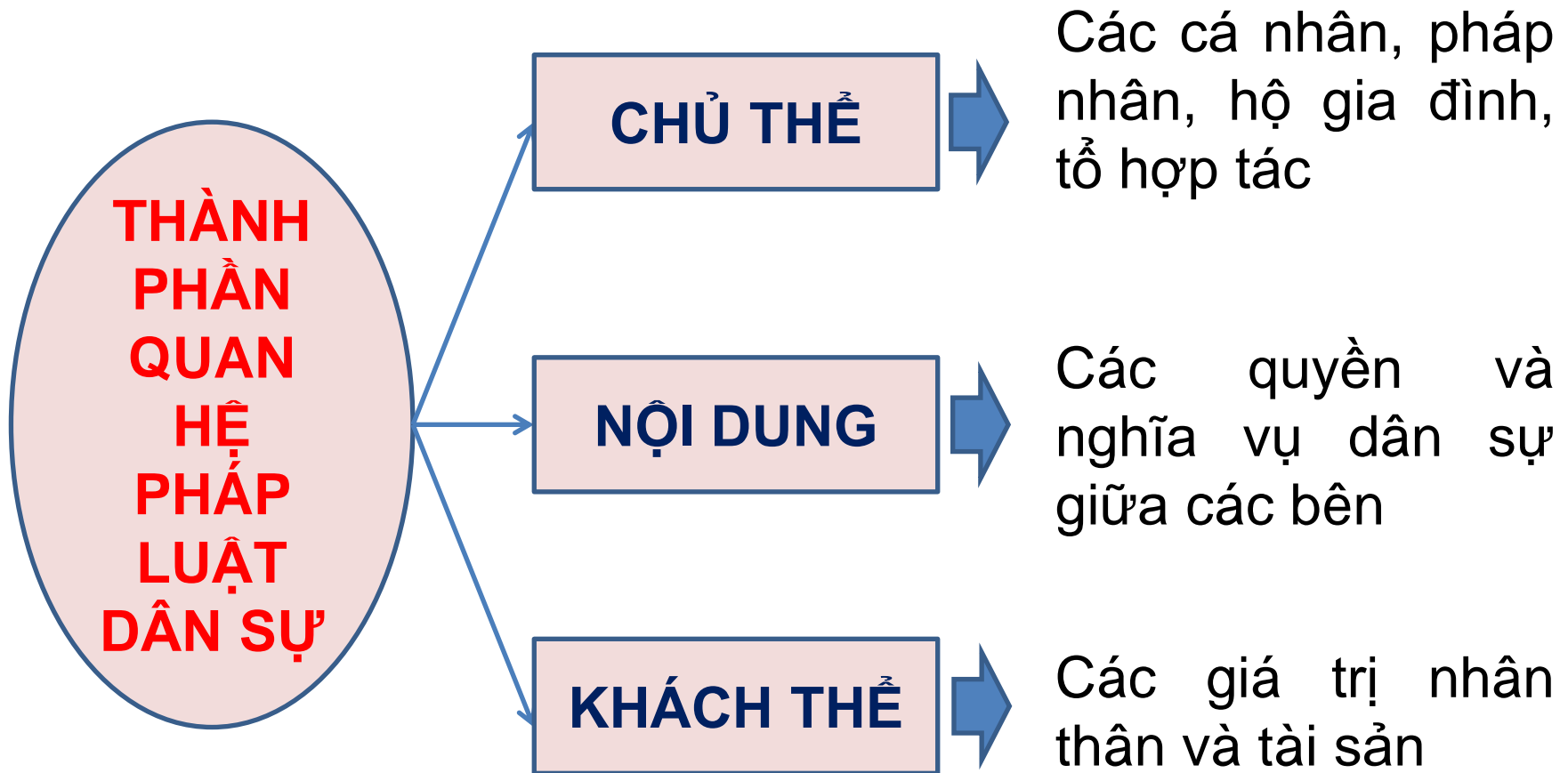


# QUAN HỆ NHÂN THÂN TRONG LUẬT DÂN SỰ

- **Khái niệm:** Quan hệ nhân thân là quan hệ giữa người và người thông qua một giá trị nhân thân
- Giá trị nhân thân là giá trị của bản thân mỗi người được thành hai loại: Giá trị nhân thân liên quan đến tài sản và giá trị nhân thân không liên quan đến tài sản
- **Đặc điểm của quan hệ nhân thân:**  
Quan hệ nhân thân không mang tính ngang giá



## 1.3. QUAN HỆ PHÁP LUẬT DÂN SỰ



# CHỦ THỂ CỦA QUAN HỆ PHÁP LUẬT DÂN SỰ

## ➤ CÁ NHÂN

### **Điều 16. Năng lực pháp luật dân sự của cá nhân**

1. Năng lực pháp luật dân sự của cá nhân là khả năng của cá nhân có quyền dân sự và nghĩa vụ dân sự.
2. Mọi cá nhân đều có năng lực pháp luật dân sự như nhau.
3. Năng lực pháp luật dân sự của cá nhân có từ khi người đó sinh ra và chấm dứt khi người đó chết.

### **Điều 19. Năng lực hành vi dân sự của cá nhân**

Năng lực hành vi dân sự của cá nhân là khả năng của cá nhân bằng hành vi của mình xác lập, thực hiện quyền, nghĩa vụ dân sự.



## ➤ PHÁP NHÂN

### **Điều 74. Pháp nhân**

1. Một tổ chức được công nhận là pháp nhân khi có đủ các điều kiện sau đây:

- a) Được thành lập theo quy định của Bộ luật này, luật khác có liên quan;
- b) Có cơ cấu tổ chức theo quy định tại Điều 83 của Bộ luật này;
- c) Có tài sản độc lập với cá nhân, pháp nhân khác và tự chịu trách nhiệm bằng tài sản của mình;
- d) Nhân danh mình tham gia quan hệ pháp luật một cách độc lập.

2. Mọi cá nhân, pháp nhân đều có quyền thành lập pháp nhân, trừ trường hợp luật có quy định khác.

## **Điều 75. Pháp nhân thương mại**

1. Pháp nhân thương mại là pháp nhân có mục tiêu chính là tìm kiếm lợi nhuận và lợi nhuận được chia cho các thành viên.
2. Pháp nhân thương mại bao gồm doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế khác.
3. ....

## **Điều 76. Pháp nhân phi thương mại**

1. Pháp nhân phi thương mại là pháp nhân không có mục tiêu chính là tìm kiếm lợi nhuận; nếu có lợi nhuận thì cũng không được phân chia cho các thành viên.
2. Pháp nhân phi thương mại bao gồm cơ quan nhà nước, đơn vị vũ trang nhân dân, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, quỹ xã hội, quỹ từ thiện, doanh nghiệp xã hội và các tổ chức phi thương mại khác.
3. ....

## ➤ HỘ GIA ĐÌNH, TỔ HỢP TÁC

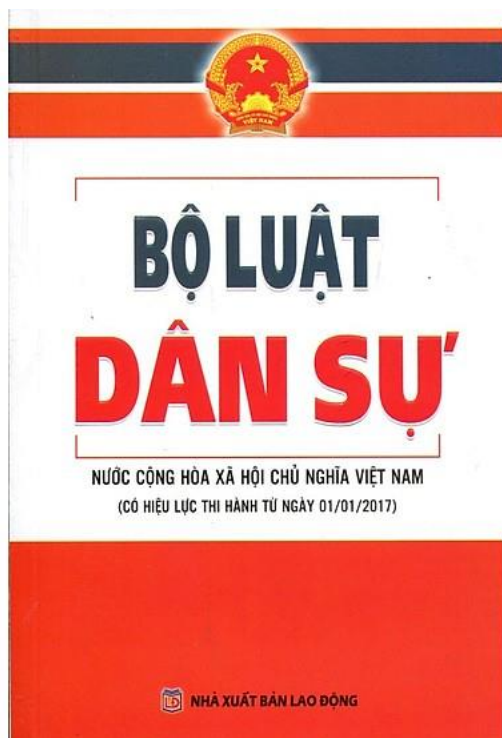
**Điều 101. Chủ thể trong quan hệ dân sự có sự tham gia của hộ gia đình, tổ hợp tác, tổ chức khác không có tư cách pháp nhân**

1. Trường hợp hộ gia đình, tổ hợp tác, tổ chức khác không có tư cách pháp nhân tham gia quan hệ dân sự thì các thành viên của hộ gia đình, tổ hợp tác, tổ chức khác không có tư cách pháp nhân là chủ thể tham gia xác lập, thực hiện giao dịch dân sự hoặc ủy quyền cho người đại diện tham gia xác lập, thực hiện giao dịch dân sự. Việc ủy quyền phải được lập thành văn bản, trừ trường hợp có thỏa thuận khác. Khi có sự thay đổi người đại diện thì phải thông báo cho bên tham gia quan hệ dân sự biết.

Trường hợp thành viên của hộ gia đình, tổ hợp tác, tổ chức khác không có tư cách pháp nhân tham gia quan hệ dân sự không được các thành viên khác ủy quyền làm người đại diện thì thành viên đó là chủ thể của quan hệ dân sự do mình xác lập, thực hiện.

2. ....

# BỘ LUẬT DÂN SỰ 2015



- Bộ luật dân sự 2015 được QH thông qua ngày 24/10/2015 có hiệu lực từ ngày 01/01/2017
- Bộ luật bao gồm 6 phần, 27 chương, 689 điều
- Trước đó, nước ta có 02 bộ luật dân sự vào các năm 1995 và 2005



## 2. MỘT SỐ CHẾ ĐỊNH CƠ BẢN CỦA *LUẬT DÂN SỰ* 2015

➔ 1.1. Chế định quyền sở hữu

➔ 2.2. Chế định quyền thừa kế

## 2.1. CHẾ ĐỊNH QUYỀN SỞ HỮU

---

➤ **Khái niệm quyền sở hữu:** (Điều 158 Bộ luật dân sự 2015)

### **Điều 158. Quyền sở hữu**

Quyền sở hữu bao gồm quyền chiếm hữu, quyền sử dụng và quyền định đoạt tài sản của chủ sở hữu theo quy định của luật.

➤ **Nội dung quyền sở hữu**

- ❖ **Quyền chiếm hữu**
- ❖ **Quyền sử dụng**
- ❖ **Quyền định đoạt**



## ❖ Quyền chiếm hữu

- **Khái niệm chiếm hữu**

**Điều 179. Khái niệm chiếm hữu**

1. Chiếm hữu là việc chủ thể nắm giữ, chi phối tài sản một cách trực tiếp hoặc gián tiếp như chủ thể có quyền đối với tài sản.

- **Chủ thể có quyền chiếm hữu với tài sản**

**Điều 179. Khái niệm chiếm hữu**

2. Chiếm hữu bao gồm chiếm hữu của chủ sở hữu và chiếm hữu của người không phải là chủ sở hữu.

- Các trường hợp chiếm hữu đối với tài sản

## CHIẾM HỮU

### CHIẾM HỮU HỢP PHÁP

- Chủ sở hữu chiếm hữu tài sản của mình
- Người được chủ sở hữu ủy quyền, trao quyền
- Chiếm hữu thông qua một giao dịch dân sự hợp pháp
- Chiếm hữu với tài sản vô chủ, đánh rơi, bỏ quên, chôn giấu chìm đắm và động vật thất lạc

### CHIẾM HỮU BẤT HỢP PHÁP

- **Ngay tình:** là trường hợp người chiếm hữu không biết và không thể biết việc chiếm hữu đó không có căn cứ pháp luật
- **Không ngay tình:** là trường hợp chiếm hữu do vi phạm pháp luật mà có đối với tài sản



## ❖ Quyền sử dụng

- **Khái niệm quyền sử dụng**

- **Điều 189. Quyền sử dụng**

- Quyền sử dụng là quyền khai thác công dụng, hưởng hoa lợi, lợi tức từ tài sản.

- **Chủ thể có quyền sử dụng đối với tài sản**

- **Điều 190. Quyền sử dụng của chủ sở hữu**

- Chủ sở hữu được sử dụng tài sản theo ý chí của mình nhưng không được gây thiệt hại hoặc làm ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, dân tộc, lợi ích công cộng, quyền và lợi ích hợp pháp của người khác.

- **Điều 191. Quyền sử dụng của người không phải là chủ sở hữu**

- Người không phải là chủ sở hữu được sử dụng tài sản theo thỏa thuận với chủ sở hữu hoặc theo quy định của pháp luật.

## ❖ Quyền định đoạt

- **Khái niệm quyền định đoạt**

**Điều 192. Quyền định đoạt**

Quyền định đoạt là quyền chuyển giao quyền sở hữu, từ bỏ quyền sở hữu, tiêu dùng hoặc tiêu hủy tài sản.

- **Chủ thể có quyền định đoạt đối với tài sản**

- **Điều 194. Quyền định đoạt của chủ sở hữu**

Chủ sở hữu có quyền bán, trao đổi, tặng cho, cho vay, để thừa kế, từ bỏ quyền sở hữu, tiêu dùng, tiêu hủy hoặc thực hiện các hình thức định đoạt khác phù hợp với quy định của pháp luật đối với tài sản.

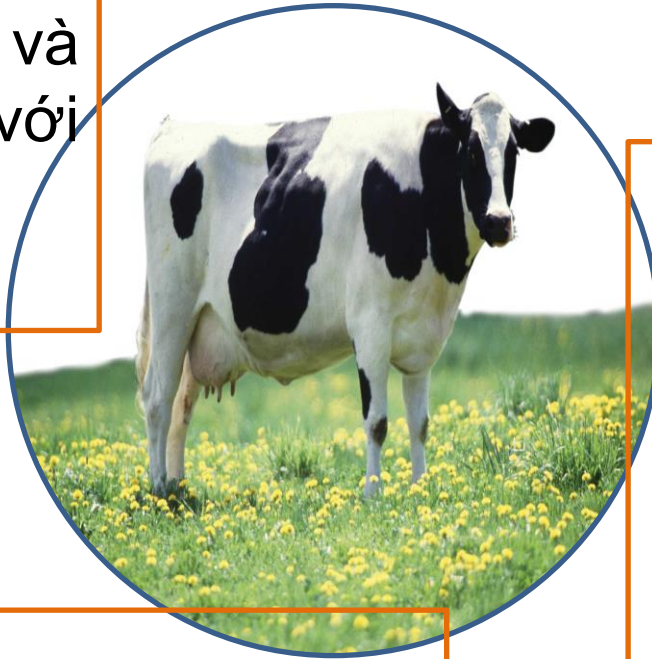
- **Điều 195. Quyền định đoạt của người không phải là chủ sở hữu**

Người không phải là chủ sở hữu tài sản chỉ có quyền định đoạt tài sản theo uỷ quyền của chủ sở hữu hoặc theo quy định của luật.

*Ví dụ về quyền sở hữu của chủ sở hữu đối với con bò*

**Quyền chiếm hữu**

Quản lý trực tiếp và gián tiếp đối với con bò



**Quyền sử dụng**

Đem con bò đi kéo xe (công dụng)  
Lấy sữa, bê con từ con bò (hoa lợi)  
Thu tiền từ việc cho thuê con bò (lợi tức)

**Quyền định đoạt**

Bán con bò  
Giết con bò lấy thịt

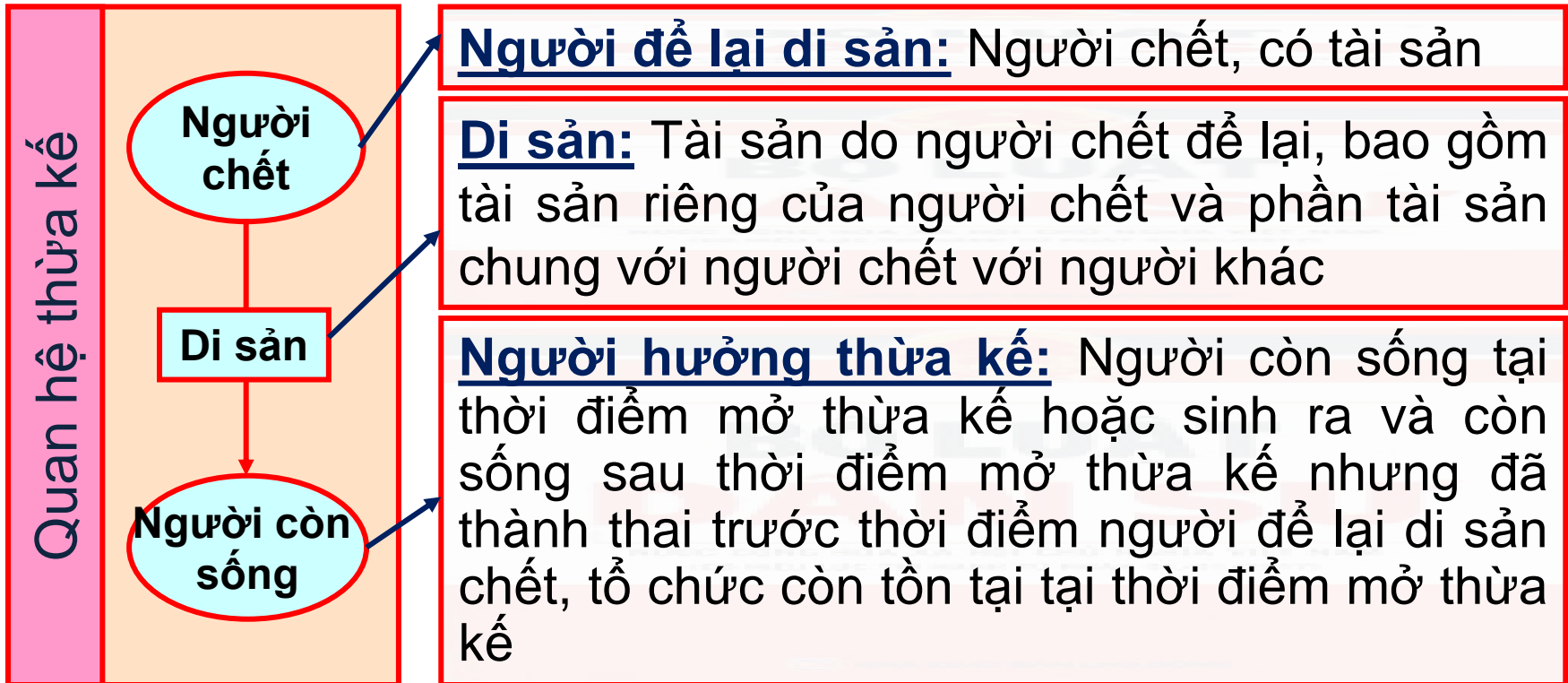
## 2.1. CHẾ ĐỊNH QUYỀN THỪA KẾ

### ➤ *Khái niệm thừa kế*

Thừa kế là việc dịch chuyển di sản từ người chết sang những người còn sống



## ➤ Một số khái niệm về thừa kế



**Thời điểm mở thừa kế:** Thời điểm người để lại di sản chết

**Địa điểm mở thừa kế:** Nơi người để lại di sản cư trú cuối cùng trước khi chết hoặc là nơi có phần lớn di sản thừa kế (trong trường hợp không xác định được nơi cư trú cuối cùng)

**Các hình thức thừa kế:** Thừa kế theo di chúc và theo pháp luật

## ➤ *Hình thức thừa kế theo di chúc*

**Khái niệm:** Thừa kế theo di chúc là việc dịch chuyển di sản từ người chết cho những người còn sống theo ý chí của người chết khi họ còn sống



- **Di chúc:** là sự thể hiện ý chí của cá nhân nhằm chuyển tài sản của mình cho người khác sau khi chết”
- **Hiệu lực:** Tại thời điểm mở thừa kế
- **Người có quyền lập di chúc:**
  - Người đã thành niên
  - Người từ đủ 15 đến 18 tuổi (phải được sự đồng ý của cha, mẹ hoặc người giám hộ),

- **Điều kiện hiệu lực của di chúc:**
  - Người lập di chúc phải minh mẫn, sáng suốt không bị lừa dối, cưỡng ép.
  - Di chúc không được trái luật, đạo đức xã hội.
- **Hình thức của di chúc:**
  - ***Di chúc bằng văn bản:***
    - + Di chúc có người làm chứng
    - + Di chúc không có người làm chứng
    - + Di chúc có công chứng
    - + Di chúc có chứng thực
  - ***Di chúc miệng:***

Được phép lập trong trường hợp không đủ sức khỏe lập di chúc bằng văn bản
- **Nguyên tắc chia thừa kế theo di chúc:** Chia theo sự định đoạt của di chúc.

## ➤ *Hình thức thừa kế theo pháp luật*

**Khái niệm:** Thừa kế theo pháp luật là việc dịch chuyển di sản từ người chết cho những người còn sống theo quy định của pháp luật.

- **Các trường hợp chia thừa kế theo pháp luật:**
  - Không có di chúc
  - Di chúc vô hiệu một phần hoặc toàn bộ
  - Di chúc không định đoạt hết số di sản
- **Diện thừa kế theo luật:**
  - Quan hệ hôn nhân
  - Quan hệ huyết thống
  - Quan hệ nuôi dưỡng



- **Hàng thừa kế theo luật:**

- **Hàng 1:** Vợ, chồng; bố, mẹ đẻ (nuôi);  
Con đẻ (nuôi)
- **Hàng 2:** Ông, bà nội ngoại;  
Cháu mà người chết là ông, bà nội ngoại  
Anh, chị, em ruột
- **Hàng 3:** Cụ nội, ngoại  
Cô, dì, chú, bác, cậu ruột;  
Chắt; Cháu mà người chết là cô, dì, chú,  
bác, cậu ruột

- **Nguyên tắc chia thừa kế theo di chúc:**

- Mỗi người trong cùng một hàng được hưởng một suất thừa kế như nhau;
- Hết người thừa kế hàng trên mới đến lượt người thừa kế hàng dưới.

# I.

Hàng thứ nhất:



vợ, chồng, cha/mẹ đẻ, cha/mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi

# II.

Hàng thứ hai:



ông/bà nội, ông/bà ngoại, anh/chị/em ruột;  
cháu ruột của người chết là ông/bà nội, ông/bà ngoại

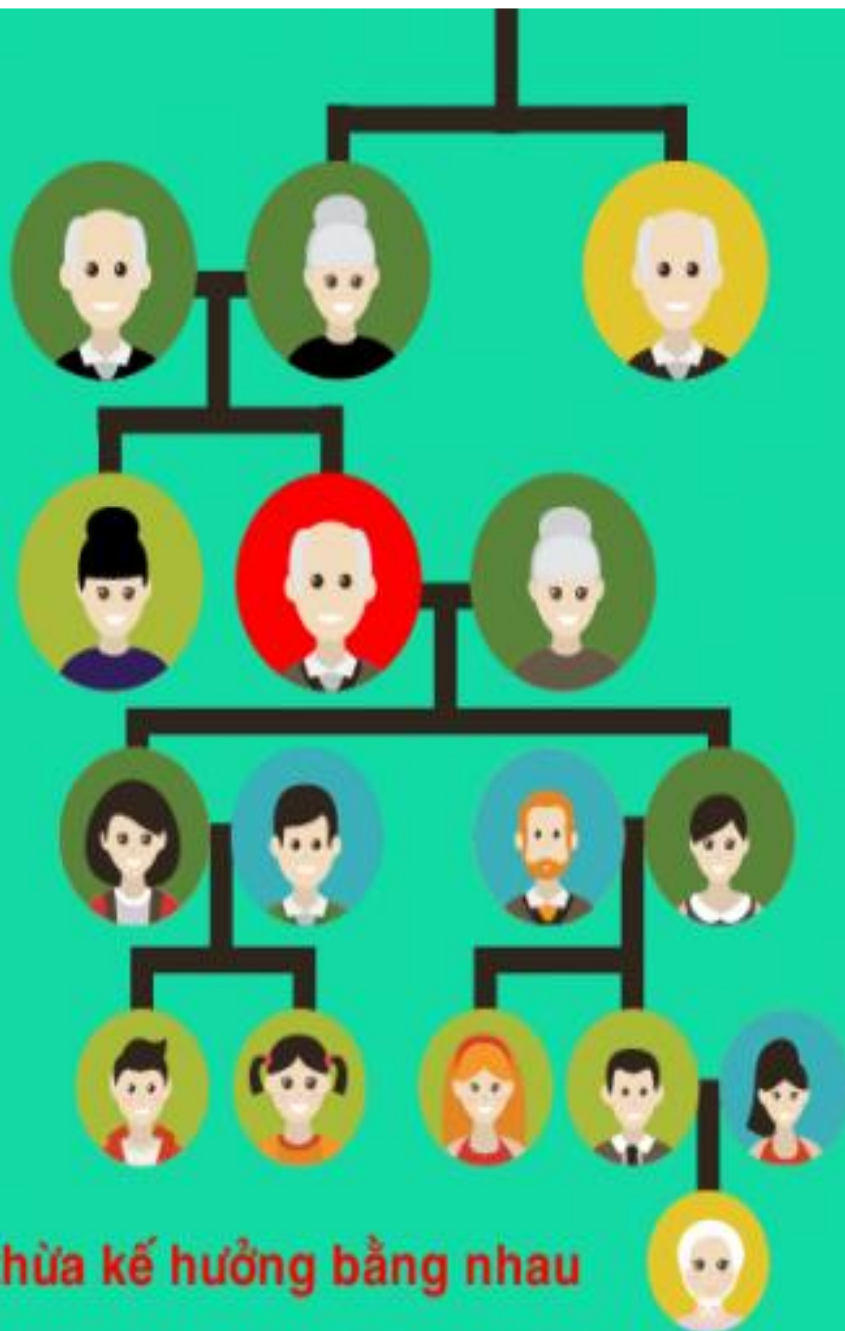
# III.

Hàng thứ 3:



cụ nội, cụ ngoại của người chết;  
bác/chú/cậu/cô/dì ruột của người chết;  
cháu ruột của người chết là bác/chú/cậu/cô/dì;  
chắt ruột của người chết là cụ nội, cụ ngoại.

**Người  
Được  
Hưởng**



**Người mất**



**Hàng thừa kế  
thứ 1**



**Hàng thừa kế  
thứ 2**



**Hàng thừa kế  
thứ 3**



**Không hưởng  
thừa kế theo PL**

**Cùng hàng thừa kế hưởng bằng nhau**



## ➤ Một số quy định khác về thừa kế

### ❖ Thừa kế thế vị

#### Điều 652. Thừa kế thế vị

Trường hợp con của người để lại di sản chết trước hoặc cùng một thời điểm với người để lại di sản thì cháu được hưởng phần di sản mà cha hoặc mẹ của cháu được hưởng nếu còn sống; nếu cháu cũng chết trước hoặc cùng một thời điểm với người để lại di sản thì cháu được hưởng phần di sản mà cha hoặc mẹ của cháu được hưởng nếu còn sống

#### Thừa kế thế vị





## ❖ Những người thừa kế không phụ thuộc di chúc

### **Điều 644: Người thừa kế không phụ thuộc và nội dung di chúc**

*“1. Những người sau đây vẫn được hưởng phần di sản bằng hai phần ba suất của một người thừa kế theo pháp luật nếu di sản được chia theo pháp luật, trong trường hợp họ không được người lập di chúc cho hưởng di sản hoặc chỉ cho hưởng phần di sản ít hơn hai phần ba suất đó:*

- a) Con chưa thành niên, cha, mẹ, vợ, chồng;*
- b) Con thành niên mà không có khả năng lao động.*

